

Bản án số: 993/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01-08-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 375/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1986 “vắng mặt”

Địa chỉ: ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980 “vắng mặt”

Địa chỉ: số D, đường F, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 10 năm 2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020 ngày 16 tháng 03 năm 2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020

thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù nguyên đơn đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc ông Võ Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020 ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H là hợp pháp.

Căn cứ vào bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia phiên hòa giải và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Điều đó chứng tỏ bị đơn không còn quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020 ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông Võ Văn T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001249 ngày 23 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- THA DS huyện Củ Chi;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài